

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9747/BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

V/v xin ý kiến về Dự thảo
Chiến lược phát triển Hải quan
giai đoạn 2021- 2030

Kính gửi:


.....

Triển khai chương trình xây dựng các Chiến lược ngành giai đoạn 2021-2030 nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030.


Nhằm hoàn thiện dự thảo Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030 trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến đóng góp đối với dự thảo Chiến lược và các tài liệu kèm theo, bao gồm:(i) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng, (ii) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng.

Văn bản đóng góp ý kiến xin gửi về Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính, số 9, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội **trước ngày 15/9/2021**.

Trong quá trình tham gia ý kiến, nếu có vướng mắc hoặc cần thêm thông tin, đề nghị liên lạc với ông Mai Đức Khánh, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính (Điện thoại: 0988090276, email: khanhmd@customs.gov.vn).

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHQ (7) 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai

**DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH BỘ TÀI CHÍNH XIN Ý KIẾN
VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HẢI QUAN GIAI ĐOẠN 2021-2030**

1. Văn phòng Chính phủ.
2. Bộ Tư pháp.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
4. Bộ Công thương.
5. Bộ Giao thông vận tải.
6. Bộ Y tế.
7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
8. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
10. Bộ Quốc phòng.
11. Bộ Công an.
12. Bộ Thông tin và Truyền thông
13. Bộ Lao động, Thương binh và xã hội
14. Bộ Khoa học và Công nghệ.
15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH THỦ TƯỚNG

**Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan
giai đoạn 2021 - 2030**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030; Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Hải quan giai đoạn 2021-2030; xây dựng và phát triển Hải quan Việt Nam trong thời gian tới theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới, tạo thuận lợi hơn nữa cho các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thực hiện các mục tiêu chung của Đảng, Chính phủ về xây dựng và phát triển kinh tế, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) trên cơ sở đánh giá thực trạng của ngành Hải quan kết hợp với những nghiên cứu các định hướng phát triển của đất nước và xu thế phát triển của Hải quan thế giới đã xây dựng Chiến lược phát triển Hải quan với những mục tiêu, định hướng phát triển Hải quan Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030, kính trình thủ tướng Phê duyệt với những nội dung cụ thể như sau:

I. Căn cứ chính trị, pháp lý xây dựng Chiến lược

- Văn kiện Đại hội Đảng XIII (Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025...);
- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020;
- Luật Hải quan số 54/2014/QH13;

- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/07/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;
- Quyết định số ... ngày ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030.

II. Sự cần thiết phải xây dựng Chiến lược

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã nỗ lực, tập trung các nguồn lực, bám sát các yêu cầu, nội dung đã được đề ra trong Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020 (tại Quyết định số 448/QĐ-TTg, Ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ), quyết liệt trong công tác triển khai nhằm thực hiện thành công Chiến lược. Mặc dù trong quá trình triển khai, ngành Hải quan phải đối diện với không ít những thách thức, khó khăn, nhưng đến nay, ngành Hải quan đã thực hiện thành công Chiến lược với những thành tựu to lớn, tạo ra bước phát triển đột phá, giúp Hải quan Việt Nam hoàn thành suất sắc nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó, trở thành một trong những cơ quan đi đầu về cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương thức quản lý, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hải quan, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế, góp phần quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời giúp cho ngành Hải quan theo kịp sự phát triển của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước trong bối cảnh lực lượng công chức Hải quan không tăng thêm mà còn phải thực hiện tinh giản theo chính sách tinh giản biên chế của Đảng và Nhà nước.

Thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh về kinh tế chiến lược giữa một số quốc gia, đối tác trên thế giới và trong khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt. Cùng với đó, đại dịch Covid-19 có khả năng gây ra suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu kéo dài sang hàng thập kỷ tới, sẽ tác động mạnh mẽ, làm thay đổi chiến lược phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới trong đó nổi lên là sự chuyển dịch chuỗi sản xuất, thay đổi

chuỗi cung ứng hàng hóa giữa các quốc gia. Sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ tác động sâu rộng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng 4.0) đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Xu hướng liên kết kinh tế, thương mại, đầu tư, kết nối hạ tầng đa tầng nấc gia tăng; xuất hiện các hình thức liên kết mới, các chế định tài chính – tiền tệ, các hiệp định kinh tế thương mại, đầu tư song phương, đa phương thế hệ mới. Tự do hóa thương mại là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ, sâu rộng trên mọi phương diện. Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương, đa phương ký kết ngày càng nhiều, với mức độ tự do hóa ngày càng sâu, rộng, đặc biệt là các FTA thế hệ mới dỡ bỏ gần 100% hàng rào thuế quan, tạo ra sự dịch chuyển sản xuất giữa các quốc gia nhằm mục đích hưởng ưu đãi ở mức độ cao nhất, đồng thời lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ sẽ gia tăng nhanh chóng. Song song với việc dỡ bỏ phần lớn hàng rào thuế quan, xu hướng bảo hộ của các quốc gia có xu hướng tăng lên các nước tăng cường bảo hộ hàng hóa sản xuất trong nước bằng các hàng rào kỹ thuật. Việc hội nhập sâu rộng đặt ra thêm các vấn đề về việc nâng cao năng lực trong kiểm tra, giám sát hải quan, chống gian lận xuất xứ để hưởng thuế xuất ưu đãi... Vấn đề toàn cầu hóa, chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại...vừa mang lại cơ hội, nhưng cũng tạo ra nhiều thách thức đối với kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Việt Nam xác định các mục tiêu phát triển đất nước đã được cụ thể hóa tại Nghị quyết đại hội XIII của Đảng. Các mục tiêu này đã được cụ thể hóa tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 với những giải pháp về hoàn thiện thể chế; đẩy mạnh cải cách nền hành chính quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; Đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, chú trọng nâng cao năng lực hội nhập. Nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập quốc tế để mở rộng thị trường. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số..

Do đó mức độ hội nhập quốc tế của Việt Nam thời gian tới sẽ ngày càng sâu rộng, về cơ bản các hiệp định thương mại tự do FTA mà Việt Nam tham gia ký kết sẽ cắt giảm thuế quan sâu, rộng với hầu hết các loại hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam; đặc biệt theo các FTA thế hệ mới, bên cạnh việc cắt giảm

thuế quan còn có yêu cầu đổi mới chế độ, chính sách quản lý nhà nước. Do đó đặt ra yêu cầu cho Hải quan Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa những cải cách thủ tục hành chính, phương thức quản lý nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, giảm thiểu thời gian và chi phí thông quan.

Trước bối cảnh thế giới đầy phức tạp và biến động cùng với những yêu cầu của đất nước về đẩy mạnh cải cách, phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tạo thuận lợi thương mại đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu; thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên đặt ra cho Hải quan Việt Nam những nhiệm vụ hết sức nặng nề, điều đó yêu cầu lực lượng Hải quan phải tiến hành cải cách, đổi mới toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan. Để xác định được những mục tiêu, định hướng và giải pháp có tính lâu dài, ổn định nhất quán, phù hợp với yêu cầu phát triển chung của đất nước, với sự tham gia của các Bộ, ngành và các địa phương có liên quan đến hoạt động Hải quan, đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của đất nước trong bối cảnh mới việc nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030 là hết sức cần thiết có vai trò quan trọng trong thực hiện mục tiêu chung của lĩnh vực Hải quan nói riêng và của Ngành Tài chính nói chung.

III. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu của Chiến lược

Phạm vi: Chiến lược được xây dựng chủ yếu xuất phát từ yêu cầu phát triển của lĩnh vực Hải quan nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ cũng như xu hướng phát triển Hải quan thế giới trong 10 năm tới, đồng thời thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chung của Ngành Tài chính trong Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030. Đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách phát triển hiện đại hóa hải quan giai đoạn 2011-2020, đưa ra nhận diện các thách thức chiến lược đặt ra với Hải quan thời gian tới từ bối cảnh trong nước và quốc tế, từ đó xác định các mục tiêu và các giải pháp cho Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Đối tượng: Nghiên cứu đánh giá kết quả Chiến lược phát triển hải quan giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030.

IV. Nguyên tắc xây dựng

Chiến lược phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2021-2030 được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Thống nhất với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 của Việt Nam.
- Thống nhất với các nội dung của Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030.
- Thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế, cải cách hành chính nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh.
- Triển khai các Nghị quyết trung ương về tinh giản biên chế, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.
- Kế thừa thành tựu đã đạt được về công tác cải cách, hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2011 - 2020.
- Đáp ứng các yêu cầu hội nhập với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.
- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của các vùng, miền, và các Bộ, ngành liên quan.

V. Quá trình tổ chức xây dựng Chiến lược

Từ năm 2020, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã khởi động các hoạt động nhằm xây dựng Chiến lược phát triển, hiện đại hóa hải quan giai đoạn 2021-2030. Cụ thể như sau

1. Tổ chức nghiên cứu

Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã tổ chức nghiên cứu, tổng hợp các tài liệu có liên quan trong và ngoài nước để phục vụ cho công tác xây dựng Chiến lược, cụ thể:

- Trong nước: Tập trung nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030, chiến lược phát triển của các Bộ, ngành; Quy hoạch phát triển các khu, cụm kinh tế của Chính Phủ, của UBND các tỉnh, thành phố trong cả nước đến năm 2030 và tầm nhìn 2035... có tác động đến hoạt động của cơ quan Hải quan.
- Quốc tế: Nghiên cứu chiến lược phát triển của Hải quan các nước và khu vực: EU, ASEAN, Mỹ, Pháp, Hà Lan, Trung Quốc, Nhật, Hàn, Úc, Newzealand..., các tài liệu từ WCO về xây dựng và phát triển cơ quan hải quan hiện đại,...

- Nghiên cứu các tác động từ việc cắt giảm thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia ký kết đã, đang và sẽ có hiệu lực trong giai đoạn 2021-2030 đặc biệt là các FTA thế hệ mới như TPP, EFTA; EVFTA...

2. Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện cải cách, hiện đại hóa Hải quan giai đoạn 2011 – 2020 và nhận định thực trạng của ngành

2.1. Kết quả chính đạt được thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020

a. Về kết quả thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu đề ra tại Chiến lược

Qua 10 năm thực hiện Chiến lược, với quyết tâm, nỗ lực của toàn ngành Hải quan, đến nay có thể khẳng định mục tiêu Chiến lược phát triển Hải quan đã được ngành Hải quan thực hiện thành công. Theo đó, ngành Hải quan đã xây dựng hệ thống chính sách pháp luật hải quan đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đạt chuẩn mực quốc tế; đã áp dụng phương pháp quản lý hải quan hiện đại theo nguyên tắc quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ; đẩy mạnh kiểm tra sau thông quan, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ, dữ liệu được xử lý tập trung tại cấp Tổng cục; đẩy mạnh hiện đại hóa cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan; quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp từng bước phát triển và ngày càng đi vào thực chất;... Nhiều kết quả đạt được đã có tác động và sức lan tỏa lớn trong xã hội, góp phần quan trọng vào việc tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế của đất nước, thu hút đầu tư nước ngoài, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách nhà nước, song cũng đảm bảo an ninh, an toàn hàng hóa ra vào Việt Nam, góp phần bảo vệ sức sản xuất trong nước, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan.

Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020 đề ra 05 chỉ tiêu phần đầu. Sau 10 năm thực hiện Chiến lược đến hết năm 2020 có 4/5 chỉ tiêu phần đầu hoàn thành đạt và đạt vượt mức mức đề ra tại Chiến lược.

b. Về kết quả thực hiện một số nội dung chính

b.1. Về thể chế

Trong giai đoạn 2011-2020, hệ thống pháp luật hải quan được xây dựng, hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương cải cách thủ tục

hành chính và các chuẩn mực, cam kết quốc tế, đặt nền tảng cho việc đổi mới toàn diện hoạt động hải quan, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phương pháp quản lý hải quan hiện đại theo nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro trong toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan, hướng tới quản lý doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu mục tiêu chung của cải cách nền hành chính quốc gia; phù hợp với các chuẩn mực, cam kết quốc tế; bám sát mục tiêu về thể chế mà Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020 đã đề ra; đảm bảo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước, tính thống nhất, toàn vẹn trong hệ thống pháp luật Quốc gia.

Luật Hải quan số 54/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đã đáp ứng các yêu cầu đổi mới toàn diện hoạt động hải quan trên cơ sở nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phương pháp quản lý hải quan hiện đại.

b.2. Về Thủ tục hải quan

Về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan: Giai đoạn 2011-2020, với nỗ lực của toàn ngành hải quan, các mục tiêu và nội dung về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đề ra tại chiến lược đã được hoàn thành: Thủ tục hải quan được đơn giản hóa, hài hòa hóa, các chế độ quản lý hải quan được chuẩn hóa phù hợp với Công ước Kyoto sửa đổi; hệ thống xác định trước trị giá hải quan, phân loại hàng hóa và xuất xứ hàng hóa đã được xây dựng và phát triển phù hợp với hướng dẫn của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO); phương thức thực hiện thủ tục hải quan được thay đổi căn bản, chuyển từ phương thức thủ công sang phương thức điện tử, thủ tục hải quan điện tử.

Quản lý rủi ro đã được áp dụng trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan. Các biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro ngày càng được chú trọng, từng bước phát triển có chiều sâu, được triển khai đồng bộ, thống nhất, đảm bảo vai trò xử lý phân luồng thông suốt 24/7, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cho việc tự động hóa, điện tử hóa thủ tục hải quan;

Công tác kiểm tra sau thông quan đã được triển khai mạnh mẽ, từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm theo hướng chuẩn mực.

Công tác quản lý thuế đã đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về cắt giảm thuế quan, sử dụng hàng rào kỹ thuật, áp dụng đầy đủ Hiệp định trị giá GATT 1994, Công ước HS cũng như khuyến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi về áp

dụng phán quyết trước trong hoạt động hải quan. Qua đó Tổng cục Hải quan luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này, với số thu năm sau cao hơn năm trước, từ năm 2014 đến 2020 liên tục đạt và vượt số thu theo dự toán.

Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại được triển khai mạnh mẽ, đã tổ chức lực lượng quản lý chặt chẽ các địa bàn trọng điểm, triển khai hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn hàng hóa ra vào biên giới, tạo điều kiện cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

b.3. Về bộ máy và nguồn nhân lực

Cải cách tổ chức bộ máy được thực hiện quyết liệt và đạt được nhiều kết quả quan trọng, theo đó, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hải quan các cấp đã được quy định cơ bản đầy đủ, cụ thể, phù hợp với các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy và Luật hải quan; phân định quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị trong hệ thống tổ chức hải quan theo đúng định hướng, chính sách, quy định về tổ chức bộ máy và nghiệp vụ hải quan; rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của ngành Hải quan theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao, theo tinh thần cắt giảm đầu mối, thu gọn tổ chức bộ máy hải quan cấp Phòng và cấp Chi cục thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố.

Phương pháp quản lý nguồn nhân lực hiện đại từng bước được tăng cường áp dụng, góp phần thúc đẩy và ngày càng nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ công chức hải quan, đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, tiêu chuẩn ngạch công chức đã được chú trọng. Hầu hết công chức, viên chức khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn; Đa dạng hóa các loại hình đào tạo như đào tạo trực tiếp tại Trường; thực tế, thực hành tại các đơn vị Vụ, Cục; đào tạo phối kết hợp với các đơn vị Vụ, Cục trong, ngoài ngành và với các tổ chức nước ngoài...

b.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin và Cơ chế một cửa

Ứng dụng công nghệ thông tin đã có bước tiến nhảy vọt, ngành Hải quan đã xây dựng được hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, cốt lõi là hệ thống thông quan điện tử tự động VNACCS /VCIS và áp dụng vận hành thành công các hệ thống e-Manifest (trao đổi thông tin trước khi hàng đến), e-Payments

(thanh toán thuế điện tử), e-C/O, e-Permits (thực hiện qua Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN), VASSCM (giám sát tự động). Hệ thống công nghệ thông tin hải quan những năm vừa qua đã đóng góp to lớn cho việc triển khai thành công thủ tục hải quan điện tử, đóng vai trò cốt lõi của hệ thống công nghệ thông tin thuộc cơ chế một cửa quốc gia. Hệ thống CNTT được xây dựng tích hợp đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ, thực hiện theo hướng xử lý dữ liệu điện tử tập trung trên mô hình kiến trúc theo hướng dịch vụ, kết nối được các đơn vị trong ngành hải quan và với các cơ quan có liên quan, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về băng thông và khả năng dự phòng.

Cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN (e-Permit, e-C/O): Về cấp phép điện tử, Tính đến ngày 01/01/2021, có 211 thủ tục hành chính của 13 Bộ, Ngành được chính thức triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia, với hơn 3,47 triệu hồ sơ của hơn 43,1 nghìn doanh nghiệp. Về C/O điện tử, hiện nay Việt Nam đã trao đổi chính thức thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 9 nước ASEAN: Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Brunei, Campuchia, Myanmar, Lào và Philippin thông qua Cơ chế một cửa ASEAN. Đến ngày 01/01/2021, tổng số C/O Việt Nam nhận từ các nước ASEAN là: 259.369 C/O, tổng số C/O Việt Nam gửi sang các nước là: 316.473 C/O.

b.5. Về Hiện đại hóa hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

Triển khai Hệ thống quản lý giám sát hải quan tự động (gọi tắt là Hệ thống VASSCM) thông qua việc kết nối, trao đổi thông tin với doanh nghiệp kinh doanh cảng, sân bay, kho bãi, địa điểm chịu sự giám sát hải quan đã đánh dấu bước triển khai mạnh mẽ công tác giám sát theo quy định của Luật Hải quan.

Đẩy mạnh thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát bằng hệ thống trang thiết bị hiện đại, giai đoạn 2011-2020 đã trang bị nhiều máy soi container, máy soi hành lý, hàng hoá; các hệ thống camera quan sát và camera và các phương tiện thiết bị hiện đại giám sát từ xa, máy bay không người lái, hệ thống phát hiện phóng xạ (Hệ thống Megaports)...Đặc biệt, việc triển khai Hệ thống quản lý giám sát hải quan tự động đã làm thay đổi căn bản phương thức giám sát từ thủ công sang điện tử, tăng cường vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, sân bay, kho bãi, địa điểm chịu sự giám sát hải quan. Với những kết quả đạt được trong hiện đại hóa hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan giai đoạn vừa qua đã góp phần quan trọng giúp ngành Hải quan luôn hoàn thành nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó trong bối cảnh,

yêu cầu đẩy mạnh tinh giản biên chế của ngành và sự gia tăng ngày càng lớn các hoạt động thương mại xuyên biên giới của Việt Nam.

b.6. Về phát triển quan hệ đối tác

Phát triển Quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp: Chuyển dần mối quan hệ giữa hải quan và doanh nghiệp từ quan hệ giữa cơ quan quản lý và đối tượng quản lý sang quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp, góp phần giám sát thực thi pháp luật và hợp tác nâng cao hiệu quả quản lý hải quan.

Đẩy mạnh và tăng cường mối quan hệ phối hợp, gắn kết giữa cơ quan hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước trong phối hợp thực hiện quản lý biên giới: thúc đẩy, tăng cường mối quan hệ phối hợp, gắn kết giữa cơ quan hải quan với các cơ quan quản lý, kiểm tra chuyên ngành và các lực lượng chống buôn lậu gian lận thương mại, đảm bảo mục tiêu vừa tạo thuận lợi thương mại vừa nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hải quan. Đồng thời, tạo tiền đề để thay đổi phương thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trong giai đoạn tới.

2.2. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Sau 10 năm triển khai Chiến lược, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn những tồn tại hạn chế mà Hải quan Việt Nam cần có các giải pháp tổng thể để tiếp tục cải cách, hiện đại hóa mạnh mẽ trong thời gian tới. Một số tồn tại hạn chế cùng nguyên nhân lớn có thể kể đến:

- Thứ nhất, về hệ thống pháp luật

Trong 10 năm qua, hệ thống pháp luật hải quan được sửa đổi, bổ sung, thay thế đã khắc phục những hạn chế và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên vẫn còn các tồn tại cụ thể như: (i) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hải quan có phạm vi tương đối rộng, số lượng nhiều, ở các cấp độ khác nhau (Luật, Nghị quyết của UBTWQH, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư), chưa có quy hoạch khoa học về hệ thống văn bản pháp luật hải quan. (ii) Nhiều văn bản quy phạm pháp luật có tuổi đời còn ngắn, chưa có tính ổn định cao, thay đổi nhiều và khá nhanh, đặc biệt việc thường xuyên bổ sung, sửa đổi văn bản luật đã ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế, nhất là việc thích ứng của người nộp thuế đối với cơ chế chính sách mới được ban hành; (iii) Chưa có cơ sở pháp lý xác định rõ ràng về trách nhiệm của cơ quan hải quan và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn đối với

hàng hóa xuất nhập khẩu của cơ quan chuyên ngành tại cửa khẩu để bảo đảm thông quan hàng hóa nhanh, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước...

Nguyên nhân là do hệ thống pháp luật còn chưa đồng bộ, nhiều nội dung còn quy định chồng chéo; chất lượng văn bản pháp luật còn chưa cao; chính sách của Nhà nước thay đổi liên tục do việc tham gia hội nhập quốc tế...

- Thứ hai, về công tác nghiệp vụ Hải quan

Rất nhiều chương trình, khuyến nghị phát triển của WCO, các chương trình theo mô hình hiện đại hóa của hải quan một số nước tiên tiến đã được Hải quan Việt Nam nghiên cứu, áp dụng; song còn thiếu sự liên kết chặt chẽ, mới bao phủ về chiều rộng, cần tiếp tục phát triển về chiều sâu. Công tác quản lý nghiệp vụ hải quan đã đáp ứng yêu cầu quản lý hiện nay, nhưng đang triển khai chủ yếu phân mảng theo từng lĩnh vực nghiệp vụ, theo quy trình thủ tục hải quan đối với từng loại hình cụ thể, chưa có định hướng mô hình quản lý tổng thể kết hợp chặt chẽ giữa các lĩnh vực nghiệp vụ và giữa các quy trình thủ tục hải quan trong 1 lĩnh vực cụ thể. Việc quản lý của cơ quan Hải quan phụ thuộc vào đặc thù của mỗi địa bàn, đối tượng đa dạng, phức tạp, lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tăng nhanh qua từng năm, quy trình thủ tục hiện tại đã bắt đầu bộc lộ một số khó khăn vướng mắc, đặc biệt là theo yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan trong giai đoạn 10 năm tới.

Nguyên nhân do yêu cầu quản lý Hải quan có những khác biệt nhất định tùy từng thời điểm, hệ thống pháp luật quản lý liên quan đến nhiều ngành và lĩnh vực dẫn đến việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế chưa được triệt để; hệ thống CNTT còn chưa tích hợp đồng bộ dẫn đến vẫn có những bất cập trong việc phối hợp thực hiện. Ngoài ra địa bàn quản lý hải quan tại các tỉnh, thành phố có những đặc điểm và biên giới với các quốc gia khác nhau cũng là một thách thức lớn đối với công tác quản lý Hải quan.

- Thứ ba, về ứng dụng công nghệ thông tin

Việc phát triển các Hệ thống CNTT được sử dụng các công nghệ phát triển khác nhau, dẫn đến mức độ tự động hóa của các hệ thống chưa cao, chưa đồng đều. Quá trình kết nối, chia sẻ, dùng chung dữ liệu... còn bộc lộ một số hạn chế như tính ổn định không cao, hoạt động chậm, hiện mới chỉ có hệ thống VNACCS/VCIS có mức độ tự động hóa cao, các hệ thống còn lại có mức độ tự động hóa hạn chế, các tính năng tự động hỗ trợ cán bộ công chức hải quan trong công tác nghiệp vụ như kiểm tra trị giá, mã số HS chưa cao....

Mặc dù ngành Hải quan hiện có 21 hệ thống CNTT, nhưng chưa hình thành được một hệ thống CNTT với kiến trúc tổng thể, hoàn chỉnh, đồng bộ; chưa đảm bảo ứng dụng CNTT toàn diện, thông minh theo yêu cầu quản lý xuyên suốt từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; các hệ thống CNTT hiện có chưa bao phủ hết 100% các lĩnh vực quản lý nghiệp vụ của ngành; tính sẵn sàng, linh hoạt của các hệ thống còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu thay đổi của quy định pháp luật.

Đầu tư CNTT, mua hệ thống có sẵn và bản địa hóa thực hiện trong thời gian qua còn tồn tại nhiều hạn chế, dẫn đến tiến độ xây dựng và triển khai hệ thống CNTT hiện đại, mới hiện không theo kịp những quy định tiến bộ đã đưa vào các văn bản quy phạm pháp luật và quy trình thủ tục hải quan. Do đó thời gian tới cần xem xét chuyển sang phương án thuê dịch vụ CNTT với nhiều lợi ích cơ bản như: rút ngắn thời gian xây dựng kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý, giảm thiểu rủi ro về tài chính, kinh phí thấp hơn.

Nguyên nhân là do quá trình phát triển các hệ thống ứng dụng CNTT giai đoạn vừa qua chủ yếu thực hiện theo yêu cầu quản lý từ thực tiễn, xây dựng phân mảnh, tách biệt, độc lập theo yêu cầu của từng lĩnh vực nghiệp vụ riêng lẻ. Việc đầu tư CNTT, mua hệ thống có sẵn và bản địa hóa thực hiện trong thời gian qua còn tồn tại nhiều hạn chế. Hệ thống CNTT chưa được tích hợp đồng bộ, thống nhất; dữ liệu nghiệp vụ còn phân tán..

- Thứ tư, về triển khai cơ chế một cửa quốc gia

Hoạt động triển khai hệ thống một cửa quốc gia, một cửa ASEAN chưa đạt được hiệu quả cao, các thủ tục hành chính thực hiện qua Cơ chế một cửa còn ít; việc kết nối giữa các bên và doanh nghiệp nhiều lúc còn chậm, thông tin từ các Bộ, Ngành chuyển đến cơ quan Hải quan đôi khi còn bị tắc nghẽn. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về các thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu và vận tải quốc tế đang trong quá trình hoàn thiện nên chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất khi đưa lên thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Nguyên nhân chính là do hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan Chính phủ chưa đồng đều và chưa hoàn thiện. Thủ tục đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin còn phức tạp nên các Bộ, Ngành có những quan ngại về việc không có công cụ đi kèm hữu hiệu khi thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia

cũng như tính khả thi khi triển khai toàn diện. Văn bản pháp luật còn chưa được hoàn thiện; có những Bộ, ngành còn chưa sẵn sàng thực hiện nhiều thủ tục ít nhiều còn do ảnh hưởng về quyền lợi cục bộ..

- Thứ năm, về tổ chức bộ máy

Việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị hải quan đã được Tổng cục Hải quan triển khai kịp thời, thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt, hình thành nên một tổ chức bộ máy đầy đủ, hoạt động hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan theo địa bàn cho giai đoạn 2011 - 2020. Tuy nhiên, hiện hệ thống tổ chức bộ máy của ngành được cơ cấu theo 3 cấp và bố trí đều khắp nhằm đảm bảo công tác quản lý hải quan trên phạm vi toàn quốc nên đã bắt đầu bộc lộ một số tồn tại, hạn chế về bố trí nguồn lực tương xứng với khối lượng công việc tại các Cục hải quan tỉnh thành phố do đặc thù của từng vùng; mô hình các Cục Hải quan tỉnh thành phố hiện nay.

Nguyên nhân là do tính chất quản lý hành chính, nhiều Cục Hải quan trong khi triển khai nhiệm vụ vẫn bị ảnh hưởng ít nhiều và bị điều chỉnh về chính sách quản lý và mục tiêu của tỉnh/thành phố nơi có trụ sở dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý điều hành thống nhất từ Tổng cục; Một số chức năng, nhiệm vụ chồng lấn giữa Cục và Tổng cục, Cục và Chi cục, còn có những bộ phận trung gian, chưa sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả khi thực hiện hải quan điện tử; Các hoạt động nghiệp vụ trong thông quan do nhiều đơn vị Vụ, Cục quản lý dẫn đến phát sinh nhiều yêu cầu quản lý trong quá trình thông quan;

- Thứ sáu, về hiện đại hóa trang thiết bị

Mặc dù Hải quan Việt Nam đã đầu tư, đưa vào sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan. Tuy nhiên, tính tổng thể về khối lượng và tính chất công việc trên quy mô toàn quốc, thì số lượng máy móc thiết bị đầu tư, mua sắm chưa nhiều, nhiều địa điểm còn thiếu các trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý hải quan.

Nguyên nhân là do đặc thù địa lý quản lý Hải quan trải dọc theo đường biên giới có nhiều Chi cục cửa khẩu, nhiều đường mòn lối mở dẫn đến khó có thể trang bị đồng bộ; hơn nữa kinh phí dành cho đầu tư trang thiết bị còn hạn chế; quy trình thủ tục giải ngân rất phức tạp dẫn đến khó khăn trong việc mua sắm và trang bị.

2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra

Thứ nhất, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo từ Quốc Hội, Chính phủ, Bộ Tài chính trong triển khai thực hiện các các mục tiêu Chiến lược; Cùng với quyết tâm chính trị cao nhất của toàn ngành Hải quan, sự chỉ đạo nhất quán, quyết liệt trong, lựa chọn các bước đi phù hợp với bối cảnh thực tiễn, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, đề cao tính hiệu quả thực tế trong triển khai thực hiện Chiến lược.

Thứ hai, phát huy sức mạnh của toàn Ngành, đặc biệt là phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của toàn thể cán bộ, công chức người lao động trong toàn ngành Hải quan triển khai thực hiện các kế hoạch cải cách, phát triển hiện đại hóa hải quan theo các giai đoạn.

Thứ ba, thực hiện hiệu quả công tác điều phối và hỗ trợ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan, triển khai thực hiện các kế hoạch cải cách, phát triển hiện đại hóa giai đoạn; đảm bảo sự phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa ngành Hải quan với các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức có liên quan và cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hải quan. Thông qua hoạt động hợp tác tiếp cận, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thành công, xu hướng phát triển... trong phát triển và hiện đại hóa Hải quan. Song song với đó tìm kiếm và huy động các nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ cho quá trình phát triển.

Thứ năm, chủ động nghiên cứu, đánh giá đúng xu thế, nắm bắt thời cơ trên cơ sở bám sát mục tiêu, nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển, kết hợp với định hướng phát triển đất nước qua từng giai đoạn, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ tiên tiến, xu hướng phát triển của thương mại thế giới... để có những bước đi phù hợp trong cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng về cải cách, phát triển và hiện đại hóa hải quan không những đối với công chức ngành hải quan mà còn với cá nhân, tổ chức, các bên có liên quan. Thông qua đó giúp từng bước thay đổi nhận thức, tư duy về cải cách, phát triển, hiện đại hóa Hải quan không những trong nội bộ ngành Hải quan mà còn đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan, cộng đồng doanh nghiệp; lan tỏa những kết quả, thành tựu về phát triển Hải quan sâu rộng trong toàn xã hội.

Trên cơ sở đánh giá tổng kết Chiến lược phát triển hải quan giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 448/QĐ-TTg, xác định được những tồn tại,

nguyên nhân của các tồn tại và rút ra bài học kinh nghiệm cho lĩnh vực Hải quan tại báo cáo đánh giá tổng kết Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2011-2030. Từ đó xác định những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần tiếp tục triển khai và phát triển trong giai đoạn 2021-2030;

Ngoài ra để đảm bảo tính khách quan và có những giải pháp hữu hiệu và phù hợp với xu hướng phát triển quốc tế, Tổng cục Hải quan đã phối hợp với chuyên gia của Dự án TFP thực hiện nghiên cứu đánh giá chẩn đoán Hải quan Việt Nam và đưa ra những đề xuất kiến nghị để cải cách, phát triển trong giai đoạn tới.

3. Đánh giá tác động trong và ngoài nước

Tổng cục Hải quan đã tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, định hướng phát triển trong nước và xu thế phát triển trên thế giới liên quan đến lĩnh vực quản lý Hải quan đưa ra những thách thức chiến lược trong giai đoạn 2021-2030 đối với Hải quan Việt Nam. Từ đó xác định các mục tiêu, định hướng giải pháp để đưa vào Chiến lược phát triển và hiện đại hóa Hải quan giai đoạn 2021-2030.

Phối hợp với các chuyên gia trong và ngoài nước của Dự án Tạo thuận lợi thương mại Hoa kỳ (USAID) thực hiện nghiên cứu xu hướng phát triển của Hải quan thế giới.

4. Xây dựng và hoàn thiện nội dung Chiến lược

Trên cơ sở các nội dung tổng kết Chiến lược phát triển hải quan Việt Nam giai đoạn 2011-2030, đánh giá bối cảnh trong và ngoài nước, xu hướng phát triển của Tổ chức Hải quan Thế giới, kinh nghiệm của Hải quan các nước, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã xây dựng dự thảo Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030, đảm bảo kế thừa các thành tựu của giai đoạn vừa qua, xác định các ưu tiên cải cách trong giai đoạn 2021-2030 nhằm phát triển Hải quan Việt Nam hiện đại ngang tầm Hải quan các nước phát triển, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số.

5. Lấy ý kiến tham gia của các bên liên quan

Quá trình triển khai xây dựng Chiến lược, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã tuân thủ đúng các quy trình bao gồm: Thành lập Ban soạn thảo, tổ chức thu thập tài liệu, tổng kết đánh giá quá trình hoạt động hải quan, tổ chức hội thảo lấy ý kiến rộng rãi trong và ngoài ngành về các nội dung của Chiến lược, gửi

văn bản lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành có liên quan; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và một số hiệp hội, doanh nghiệp ngành hàng lớn.

VI. Tóm tắt những nội dung chính của Chiến lược

A. Yêu cầu và quan điểm phát triển

1. Phát triển Hải quan phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; tuân thủ các quy định của pháp luật; đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chương trình cải cách nền hành chính nhà nước; thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Phát triển Hải quan nhằm tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại hợp pháp, chống buôn lậu và gian lận thương mại hiệu quả; tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về Hải quan, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

3. Phát triển Hải quan trên cơ sở kế thừa, phát triển các thành tựu cải cách, hiện đại hóa đã đạt được, tiếp tục hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý Nhà nước về hải quan; hiện đại hóa công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu.

4. Lấy cải cách, hiện đại hóa làm cơ sở, hiện đại hóa mô hình quản lý hải quan làm trọng tâm và ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm nền tảng cho phát triển Hải quan trong thời kỳ mới.

5. Tập trung đầu tư để hiện đại hóa hải quan tại các vùng, địa bàn trọng điểm, đồng thời có tính đến sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng, địa bàn đảm bảo sự phát triển, hiện đại hóa chung của Hải quan Việt Nam.

6. Kết hợp phát huy nội lực là chính, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững.

B. Nội dung chủ yếu Chiến lược

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm Hải quan các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình Hải quan thông minh. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan, quản lý hải quan và thu thuế hiệu quả, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, du lịch và vận tải hợp pháp qua biên giới, tạo môi trường xuất nhập khẩu minh bạch, công bằng, góp phần nâng cao

năng lực cạnh tranh quốc gia, đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia.

2. Các mục tiêu chủ yếu

2.1. Tiếp tục xây dựng nền tảng pháp luật về Hải quan hiện đại, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, triển khai mô hình hải quan thông minh và thực hiện nhiệm vụ đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu. Các quy định pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có tính gắn kết chặt chẽ, thống nhất. Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng minh bạch, đơn giản, thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực và khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới nhằm giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục thông quan, giải phóng hàng.

2.2. Tập trung hóa, hiện đại hóa, tự động hóa công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; đẩy mạnh kiểm tra trước và sau thông quan; triển khai mô hình biên giới thông minh, hải quan xanh; cải cách mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu. Tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng.

2.3. Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin Hải quan tập trung, tích hợp thông minh đảm bảo các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống, với nền tảng số, phù hợp với kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuẩn mực quốc tế, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về hải quan trong tình hình mới, thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, kết nối với các đối tác thương mại của Việt Nam... nhằm tập trung hóa tối đa xử lý thủ tục hành chính, kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan Hải quan với các bộ, ngành và đơn vị có liên quan tham gia chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu quản lý doanh nghiệp, quản lý toàn diện từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2.4. Đổi mới tổ chức bộ máy hải quan với cơ cấu gọn nhẹ, giảm đầu mối trung gian đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh và thực hiện nhiệm vụ đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa

khẩu. Đẩy mạnh xây dựng và triển khai mô hình quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên vị trí việc làm. Phát triển nguồn nhân lực tinh thông nghiệp vụ, liêm chính, chuyên nghiệp, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh và các nhiệm vụ chính trị của ngành Hải quan.

2.5. Đẩy mạnh công tác hợp tác và hội nhập quốc tế về hải quan toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả, nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của Hải quan Việt Nam trong cộng đồng hải quan thế giới; phát triển quan hệ hợp tác, đối tác giữa Hải quan với các bên liên quan tạo nền tảng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Hải quan. Nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu

Dự thảo Chiến lược đặt ra 24 chỉ tiêu:

3.1. Đến năm 2025

3.1.1. Hoàn thành tái thiết kế tổng thể hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ hải quan hướng tới hải quan số và đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống.

3.1.2. Cơ bản hoàn thành Hải quan số.

3.1.3. Hoàn thiện môi trường làm việc điện tử trong ngành Hải quan; hướng tới môi trường phi giấy tờ trong quản lý nhà nước về hải quan thông qua việc đẩy mạnh sử dụng chữ ký số đảm bảo: 90% hồ sơ công việc tại Tổng cục Hải quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

3.1.4. Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số với Hệ thống chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

3.1.5. 80% hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan.

3.1.6. Cổng thông tin một cửa quốc gia đáp ứng yêu cầu trở thành điểm tiếp nhận và chia sẻ thông tin, dữ liệu, chứng từ điện tử cho tất cả các bên tham gia vào hoạt động thương mại xuyên biên giới, chuỗi cung ứng, logistics thông qua việc tập trung hóa dữ liệu và tập trung hóa việc xử lý dữ liệu.

3.1.7. 100% các thủ tục hành chính cấp phép, kiểm tra chuyên ngành cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

3.1.8. 100% thủ tục hành chính có nhu cầu sử dụng cao được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho người dân, doanh nghiệp và được thực hiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, đồng thời được tích hợp lên Cổng dịch vụ Công quốc gia.

3.1.9. Quản lý nợ thuế được thực hiện hoàn toàn theo phương thức điện tử với phương pháp quản lý hiện đại.

3.1.10. 100% hồ sơ nghiệp vụ điều tra địa bàn trọng điểm được xác lập và đảm bảo có chất lượng.

3.1.11. Hoàn thành nội luật hóa toàn bộ các cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan.

3.1.12. Ký kết từ 2-3 điều ước quốc tế về hải quan với các nước đối tác, đặc biệt là các nước đối tác lớn, có tầm quan trọng chiến lược. Ký kết từ 1-2 thỏa thuận công nhận lẫn nhau doanh nghiệp ưu tiên với hải quan các nước.

3.1.13. Hoàn thành các chỉ tiêu trong lĩnh vực Hải quan theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3.2. Đến năm 2030

3.2.1. 100% các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đối với các loại hình cơ bản được chuyển sang dạng dữ liệu điện tử, tiến tới được số hóa.

3.2.2. 100% cảng, cửa khẩu quốc tế trọng điểm được triển khai hệ thống quản lý giám sát hàng hóa tự động, trang bị hệ thống soi chiếu hàng hóa, hành lý, hệ thống giám sát camera và các thiết bị hỗ trợ trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan. Kết quả, hình ảnh, thông tin được truyền trực tiếp về trung tâm xử lý tập trung của cơ quan hải quan.

3.2.3. 100% hàng hóa thuộc đối tượng rủi ro cao vận chuyển bằng container chịu sự giám sát hải quan được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hiện đại, dữ liệu được kết nối về trung tâm xử lý tập trung của cơ quan hải quan.

3.2.4. 100% các cửa khẩu đường bộ triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin khai trước về hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

3.2.5. 100% các doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật, doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp thực hiện hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, kết nối chia sẻ dữ liệu quản trị sản xuất với cơ quan Hải quan.

3.2.6. Tỷ lệ tờ khai phải kiểm tra hồ sơ không quá 30%, tỷ lệ tờ khai phải kiểm tra thực tế hàng hóa không quá 4,5%.

3.2.7. Nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế, phấn đấu 100% các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu phát sinh nợ thuế được theo dõi, cập nhật tự động trên hệ thống điện tử của cơ quan Hải quan.

3.2.8. Hoàn thành 100% hồ sơ điều tra nghiên cứu toàn diện tất cả các tuyến (đường bộ, đường biển, đường hàng không); hàng tháng thực hiện đánh giá tổng thể từng tuyến, địa bàn, cập nhật thông tin và theo dõi quản lý để triển khai công tác kiểm soát, không để xảy ra điểm nóng về buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

3.2.9. Phấn đấu mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đạt 95% trở lên đối với các chỉ tiêu chính thuộc các nội dung: Tiếp cận thủ tục hành chính hải quan, thực hiện thủ tục hành chính hải quan, sự phục vụ của công chức hải quan.

3.2.10. Hoàn thành Hải quan thông minh.

3.2.11. Thiết lập và duy trì từ 30-40 kênh hợp tác và liên lạc thường xuyên với các đối tác hải quan quan trọng trên thế giới. Ký kết từ 5-7 điều ước quốc tế về hải quan với các nước đối tác, đặc biệt là các nước đối tác lớn, có tầm quan trọng chiến lược.

4. Nhiệm vụ, giải pháp

Dự thảo Chiến lược đã đặt ra 7 nhóm nhiệm vụ giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược, bao gồm:

4.1. Thể chế

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về hải quan hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, hội nhập quốc tế, trọng tâm là xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ để:

- Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng tiếp tục đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan, các chế độ quản lý hải quan theo chuẩn mực của Hải quan thế giới, tạo nền tảng để tái thiết kế các quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh.

- Cải cách thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, triển khai thành công Đề án kiểm tra kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu, hướng tới triển khai mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng cơ quan hải

quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu.

4.2. Nghiệp vụ hải quan

a. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

- Áp dụng phương pháp quản lý theo chuỗi: Triển khai mô hình quản lý chuỗi cung ứng tích hợp theo hướng dẫn tại khung an ninh và tạo thuận lợi thương mại (SAFE) của Tổ chức hải quan thế giới; Quản lý theo chuỗi giá trị đáp ứng yêu cầu quản lý toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo hàng hóa sử dụng đúng mục đích đã kê khai với cơ quan hải quan.

- Nghiên cứu, từng bước triển khai thực hiện bảo hiểm bảo lãnh thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

- Tái thiết kế hệ thống quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan làm cơ sở để xây dựng mô hình hải quan thông minh với mức độ số hóa và tự động hóa cao

- Triển khai mô hình quản lý biên giới thông minh đảm bảo cơ quan hải quan có thể giám sát, kiểm soát hàng hóa từ đầu vào các nguồn nguyên liệu đến khi đưa vào sản xuất, chế biến, vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu.

- Triển khai hải quan xanh, khuyến khích và thúc đẩy hoạt động thương mại hướng tới phát triển bền vững theo mô hình nền kinh tế tuần hoàn

- Triển khai hiệu quả Đề án kiểm tra kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó, cơ quan hải quan là đầu mối trong kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu, hướng tới triển khai mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối duy nhất thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, nâng cao nguồn lực (gồm trang thiết bị, máy móc và nhân lực) cho cơ quan hải quan, trong trường hợp cần thiết thì chuyển giao nguồn lực từ các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để đảm bảo thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực vẫn giữ vai trò là cơ quan quản lý nhà nước, xây dựng và quy định về chính sách quản lý; cơ quan hải quan thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành theo quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng, triển khai mô hình thông quan tập trung thông qua việc hình thành các địa điểm kiểm tra hồ sơ hải quan tập trung tại các Hải quan Vùng. Xây dựng, triển khai mô hình địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại trong công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

b. Quản lý thuế

- Áp dụng thống nhất chính sách thuế, chú trọng việc áp dụng chính sách quản lý thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu thống nhất với hàng hóa tại khâu nội địa thông qua việc cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các sắc thuế để áp dụng thống nhất chính sách thuế và thủ tục quản lý thuế. Tái thiết kế quy trình thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản hóa, đồng bộ với quy trình thủ tục hải quan làm cơ sở để điện tử hóa các quy trình quản lý thuế từ khâu thu thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh với mức độ tự động hóa cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động quản lý thuế trong mô hình hải quan thông minh với mức độ tự động hóa và số hóa cao.

c. Kiểm tra sau thông quan

- Xây dựng mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan tập trung ở cấp Tổng cục; Áp dụng sâu rộng phương pháp kiểm toán sau thông quan; từng bước áp dụng nghiệp vụ điều tra vào công tác kiểm tra sau thông quan. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm tra sau thông quan.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về doanh nghiệp ưu tiên trên cơ sở khuyến nghị của Tổ chức hải quan thế giới về.

d. Kiểm soát hải quan

- Sử dụng các công cụ, trang thiết bị hiện đại, khai thác dữ liệu kết nối toàn cầu, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, trong nước trong thực hiện công tác kiểm soát hải quan.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động kiểm soát hải quan đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh với mức độ số hóa và tự động hóa cao. Triển khai hiệu quả kiểm soát biên giới hướng tới mô hình quản lý biên giới thông minh và triển khai hải quan xanh theo khuyến nghị của

WCO, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, ma túy, chất nổ, vũ khí, chất thải, sản phẩm và mẫu vật động vật hoang dã qua biên giới.

- Bổ sung cơ sở pháp lý và triển khai kết nối với các cơ quan quản lý nhà nước trao đổi thông tin liên quan đến tổ chức, hoạt động của cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa,.. để làm cơ sở phân tích, đánh giá, theo dõi, giám sát, tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm soát hải quan.

- Tăng cường kiểm soát hải quan theo phương thức hiện đại, phù hợp với cam kết quốc tế nhằm đồng thời đạt được các mục tiêu về tạo thuận lợi thương mại và đảm bảo an ninh, an toàn kinh tế quốc gia.

e. Quản lý rủi ro

- Triển khai toàn diện việc áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan; Ứng dụng khoa học, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

- Trao đổi thông tin với hải quan các nước và tổ chức quốc tế đồng thời thực hiện tự động phân tích xác định các lô hàng trọng điểm, ngăn chặn có hiệu quả từ xa các rủi ro về hàng hóa ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường và trật tự an toàn xã hội.

- Mở rộng đối tượng đánh giá tuân thủ là người khai hải quan, triển khai chương trình khuyến khích người khai hải quan tự nguyện tuân thủ pháp luật.

4.3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

a. Tổ chức bộ máy

- Xây dựng tổ chức bộ máy Hải quan 03 cấp (cấp Tổng cục, cấp Vùng và cấp Chi cục) theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý theo mô hình nghiệp vụ hải quan tập trung, thông minh.

- Tổ chức hoạt động của bộ máy theo hướng mỗi Hải quan Vùng . Hình thành các trung tâm chuyên sâu về phân tích, xác định trọng điểm theo từng loại hình cửa khẩu; trung tâm phân loại hàng hóa; trung tâm quản lý giá, xuất xứ hàng hóa; trung tâm kiểm tra hồ sơ hải quan. Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác kiểm định hải quan để triển khai mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa

xuất nhập khẩu theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

b. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng, phát triển đội ngũ công chức hải quan các cấp có trình độ chuyên môn sâu, hoạt động liêm chính, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị hiện đại, đủ về số lượng, cơ cấu phù hợp, được tổ chức, quản lý khoa học, gắn với nhu cầu thực tiễn của vị trí việc làm với năng lực của từng cá nhân, đáp ứng mô hình quản lý hải quan hiện đại.

- Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên vị trí việc làm, các chính sách phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan tập trung, thông minh.

- Triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trong ngành gắn với vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu của mô hình hải quan thông minh đặc biệt là yêu cầu chuyên sâu đối với một số loại hình nghiệp vụ; gắn công tác đào tạo, đánh giá năng lực với việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức.

- Tăng cường liêm chính hải quan.

4.4. Ứng dụng công nghệ thông tin

4.4.1 Hệ thống công nghệ thông tin hải quan: Xây dựng Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hải quan thông minh trên nền tảng số, cơ sở dữ liệu tập trung cấp Tổng cục, đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan thông minh, hiện đại. Ứng dụng mạnh mẽ thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Kết nối Internet vạn vật (IoT), Chuỗi khối (Blockchain), Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Bigdata), Phân tích thông minh (BI), Điện toán đám mây (Cloud), Di động (Mobility)). Phát triển dữ liệu số Hải quan tạo nền tảng cho triển khai Hải quan số, Hải quan thông minh bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước trong hệ thống Chính trị của Việt Nam, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển hệ sinh thái số của và Hải quan số

4.4.2 Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng xử lý tập trung, đáp ứng yêu cầu triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa

ASEAN nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý tập trung thủ tục hành chính của các Bộ, ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan hải quan với các Bộ, ngành và các bên có liên quan tham gia chuỗi dây chuyền cung ứng thương mại và cung cấp nền tảng cung cấp dịch vụ trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp. Nâng cấp Hệ thống một cửa quốc gia và ASEAN đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi thông tin với Hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới.

4.5. Hiện đại hóa cơ sở vật chất

- Hiện đại hóa máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; kết nối hệ thống công nghệ thông tin với việc sử dụng các trang thiết bị, máy móc hiện đại, ứng dụng công nghệ trực tuyến, giảm thiểu sự can thiệp của công chức trong các khâu kiểm tra, giám sát

- Tiếp tục đầu tư, trang bị cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng việc triển khai áp dụng quản lý hải quan trên nền tảng ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đầu tư hiện đại hóa hệ thống trụ sở làm việc của các đơn vị Hải quan; trang bị đầy đủ các thiết bị thiết yếu và hiện đại phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan và các hoạt động liên quan; gắn việc trang bị hiện đại hóa trụ sở, máy móc hiện đại với mô hình Hải quan thông minh, mô hình thông quan tập trung.

4.6. Hợp tác, hội nhập quốc tế về Hải quan

- Nâng cao hiệu quả tham gia, tăng cường đóng góp trong các cơ chế hợp tác và hội nhập hải quan tại các khuôn khổ ASEAN, WTO, APEC, ASEM, WCO, GMS...

- Thúc đẩy, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các nước đối tác, chú trọng các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các nước bạn bè truyền thống.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà Việt Nam tham gia.

- Tranh thủ sự hợp tác, khai thác các nguồn hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác, tiếp thu kiến thức và kinh nghiệm quản lý hải quan tiên tiến để đóng góp cho tiến trình cải cách, hiện đại hóa các quy trình, thủ tục hải quan nhằm tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp và công tác thực thi pháp luật hải quan, đồng thời phát triển nguồn nhân lực của Hải quan Việt Nam đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiệu lực hiệu quả.

4.7. Hợp tác giữa cơ quan hải quan với các bên liên quan

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác, phối hợp đi vào chiều sâu giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan Chính phủ, chính quyền địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện quản lý nhà nước về hải quan đảm bảo hiệu quả, hiệu lực.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để cộng đồng doanh nghiệp tham gia phản biện chính sách, pháp luật hải quan, giám sát thực thi pháp luật hải quan, và hợp tác với cơ quan hải quan trong thực thi pháp luật hải quan.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển đại lý Hải quan chuyên nghiệp, đồng bộ; đủ khả năng để cung cấp dịch vụ thông quan tư nhân hiện đại, toàn diện và đa dạng hơn.

4.8. Các nội dung khác

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ công chức trong ngành Hải quan, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp về chính sách pháp luật, các quy trình thủ tục hải quan; tranh thủ sự phối hợp, đồng tình ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong thực thi pháp luật hải quan.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế quản lý tài chính về đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động được phân bổ ổn định theo tỷ lệ (%) trên dự toán thu ngân sách hàng năm Nhà nước giao cho ngành Hải quan theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu, thực hiện xã hội hóa hoặc phát triển các hình thức liên kết đầu tư hoặc thuê mua theo hình thức công - tư đối với một số loại thiết bị chuyên dụng, một số dịch vụ công hoặc những hệ thống kỹ thuật, công nghệ đòi hỏi mức đầu tư lớn trong bối cảnh nguồn lực tài chính hạn chế. Huy động tổng hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động cải cách, phát triển, hiện đại hóa hải quan từ các nguồn: Ngân sách, tài trợ từ nước ngoài, đầu tư của khu vực tư nhân.

5. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện Chiến lược

5.1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện chiến lược này; phê duyệt và chỉ đạo kế hoạch thực hiện các nội dung chiến lược theo từng giai đoạn.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, Ngành liên quan nghiên cứu xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành;

c) Hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung có liên quan đến Chiến lược;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương liên quan kiểm tra việc thực hiện chiến lược; giữa kỳ chiến lược tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Chiến lược;

e) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung chiến lược trong trường hợp cần thiết.

f) Đảm bảo kinh phí để thực hiện Chiến lược

5. 2. Các Bộ quản lý, kiểm tra chuyên ngành phối hợp với Bộ Tài chính triển khai thực hiện các nội dung có liên quan.

5. 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện Chiến lược.

5. 4. Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, thực hiện quy hoạch xây dựng, phát triển giao thông, các cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, cửa khẩu đường bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính và địa phương liên quan thống nhất việc quy hoạch, bố trí các cơ sở Hải quan để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho thực hiện Chiến lược.

5. 5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm chỉ đạo, tham gia thực hiện các nội dung có liên quan của Chiến lược.

Trên đây là các nội dung liên quan đến Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt./.

Các tài liệu kèm Tờ trình bao gồm:

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030.
- Báo cáo các nội dung nghiên cứu phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030.
- Báo cáo đánh giá, tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020.

- Bảng tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, Ngành, đơn vị có liên quan (*sau khi xin ý kiến và thực hiện tổng hợp, tiếp thu ý kiến*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCHQ (b).

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phúc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo 8
(Tháng 8/2021)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030” với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. YÊU CẦU VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển Hải quan phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; tuân thủ các quy định của pháp luật; đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chương trình cải cách nền hành chính nhà nước; thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Phát triển Hải quan nhằm tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại hợp pháp, chống buôn lậu và gian lận thương mại hiệu quả; tăng cường, nâng

cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về Hải quan, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

3. Phát triển Hải quan trên cơ sở kế thừa, phát triển các thành tựu cải cách, hiện đại hóa đã đạt được, tiếp tục hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý Nhà nước về hải quan; hiện đại hóa công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu.

4. Lấy cải cách, hiện đại hóa làm cơ sở, hiện đại hóa mô hình quản lý hải quan làm trọng tâm và ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm nền tảng cho phát triển Hải quan trong thời kỳ mới.

5. Tập trung đầu tư để hiện đại hóa hải quan tại các vùng, địa bàn trọng điểm, đồng thời có tính đến sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng, địa bàn đảm bảo sự phát triển, hiện đại hóa chung của Hải quan Việt Nam.

6. Kết hợp phát huy nội lực là chính, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững.

II. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm Hải quan các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình Hải quan thông minh. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan, quản lý hải quan và thu thuế hiệu quả, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, du lịch và vận tải hợp pháp qua biên giới, tạo môi trường xuất nhập khẩu minh bạch, công bằng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia.

2. Các mục tiêu chủ yếu

2.1. Tiếp tục xây dựng nền tảng pháp luật về Hải quan hiện đại, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, triển khai mô hình hải quan thông minh và thực hiện nhiệm vụ đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu. Các quy định pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có tính gắn kết chặt chẽ, thống nhất. Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng minh bạch, đơn giản, thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực và khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới nhằm giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục thông quan, giải phóng hàng.

2.2. Tập trung hóa, hiện đại hóa, tự động hóa công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; đẩy mạnh kiểm tra trước và sau thông quan; triển khai mô hình biên giới thông minh, hải quan xanh; cải cách mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu. Tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng.

2.3. Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin Hải quan tập trung, tích hợp thông minh đảm bảo các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống, với nền tảng số, phù hợp với kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuẩn mực quốc tế, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về hải quan trong tình hình mới, thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, kết nối với các đối tác thương mại của Việt Nam... nhằm tập trung hóa tối đa xử lý thủ tục hành chính, kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan Hải quan với các bộ, ngành và đơn vị có liên quan tham gia chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu quản lý doanh nghiệp, quản lý toàn diện từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2.4. Đổi mới tổ chức bộ máy hải quan với cơ cấu gọn nhẹ, giảm đầu mối trung gian đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh và thực hiện nhiệm vụ đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu. Đẩy mạnh xây dựng và triển khai mô hình quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên vị trí việc làm. Phát triển nguồn nhân lực tinh thông nghiệp vụ, liêm chính, chuyên nghiệp, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh và các nhiệm vụ chính trị của ngành Hải quan.

2.5. Đẩy mạnh công tác hợp tác và hội nhập quốc tế về hải quan toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả, nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của Hải quan Việt Nam trong cộng đồng hải quan thế giới; phát triển quan hệ hợp tác, đối tác giữa Hải quan với các bên liên quan tạo nền tảng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Hải quan. Nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Đến năm 2025

3.1.1. Hoàn thành tái thiết kế tổng thể hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ hải quan hướng tới hải quan số và đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống.

3.1.2. Cơ bản hoàn thành Hải quan số.

3.1.3. Hoàn thiện môi trường làm việc điện tử trong ngành Hải quan; hướng tới môi trường phi giấy tờ trong quản lý nhà nước về hải quan thông qua việc đẩy mạnh sử dụng chữ ký số đảm bảo: 90% hồ sơ công việc tại Tổng cục Hải quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

3.1.4. Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số với Hệ thống chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

3.1.5. 80% hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan.

3.1.6. Cổng thông tin một cửa quốc gia đáp ứng yêu cầu trở thành điểm tiếp nhận và chia sẻ thông tin, dữ liệu, chứng từ điện tử cho tất cả các bên tham gia vào hoạt động thương mại xuyên biên giới, chuỗi cung ứng, logistics thông qua việc tập trung hóa dữ liệu và tập trung hóa việc xử lý dữ liệu.

3.1.7. 100% các thủ tục hành chính cấp phép, kiểm tra chuyên ngành cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

3.1.8. 100% thủ tục hành chính có nhu cầu sử dụng cao được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho người dân, doanh nghiệp và được thực hiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, đồng thời được tích hợp lên Cổng dịch vụ Công quốc gia.

3.1.9. Quản lý nợ thuế được thực hiện hoàn toàn theo phương thức điện tử với phương pháp quản lý hiện đại.

3.1.10. 100% hồ sơ nghiệp vụ điều tra địa bàn trọng điểm được xác lập và đảm bảo có chất lượng.

3.1.11. Hoàn thành nội luật hóa toàn bộ các cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan.

3.1.12. Ký kết từ 2-3 điều ước quốc tế về hải quan với các nước đối tác, đặc biệt là các nước đối tác lớn, có tầm quan trọng chiến lược. Ký kết từ 1-2 thỏa thuận công nhận lẫn nhau doanh nghiệp ưu tiên với hải quan các nước.

3.1.13. Hoàn thành các chỉ tiêu trong lĩnh vực Hải quan theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3.2. Đến năm 2030

3.2.1. 100% các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đối với các loại hình cơ bản được chuyển sang dạng dữ liệu điện tử, tiến tới được số hóa.

3.2.2. 100% cảng, cửa khẩu quốc tế trọng điểm được triển khai hệ thống quản lý giám sát hàng hóa tự động, trang bị hệ thống soi chiếu hàng hóa, hành lý, hệ thống giám sát camera và các thiết bị hỗ trợ trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan. Kết quả, hình ảnh, thông tin được truyền trực tiếp về trung tâm xử lý tập trung của cơ quan hải quan.

3.2.3. 100% hàng hóa thuộc đối tượng rủi ro cao vận chuyển bằng container chịu sự giám sát hải quan được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hiện đại, dữ liệu được kết nối về trung tâm xử lý tập trung của cơ quan hải quan.

3.2.4. 100% các cửa khẩu đường bộ triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin khai trước về hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

3.2.5. 100% các doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật, doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp thực hiện hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, kết nối chia sẻ dữ liệu quản trị sản xuất với cơ quan Hải quan.

3.2.6. Tỷ lệ tờ khai phải kiểm tra hồ sơ không quá 30%, tỷ lệ tờ khai phải kiểm tra thực tế hàng hóa không quá 4,5%.

3.2.7. Nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế, phấn đấu 100% các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu phát sinh nợ thuế được theo dõi, cập nhật tự động trên hệ thống điện tử của cơ quan Hải quan.

3.2.8. Hoàn thành 100% hồ sơ điều tra nghiên cứu toàn diện tất cả các tuyến (đường bộ, đường biển, đường hàng không); hàng tháng thực hiện đánh giá tổng thể từng tuyến, địa bàn, cập nhật thông tin và theo dõi quản lý để triển khai công tác kiểm soát, không để xảy ra điểm nóng về buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

3.2.9. Phấn đấu mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đạt 95% trở lên đối với các chỉ tiêu chính

thuộc các nội dung: Tiếp cận thủ tục hành chính hải quan, thực hiện thủ tục hành chính hải quan, sự phục vụ của công chức hải quan.

3.2.10. Hoàn thành Hải quan thông minh.

3.2.11. Thiết lập và duy trì từ 30-40 kênh hợp tác và liên lạc thường xuyên với các đối tác hải quan quan trọng trên thế giới. Ký kết từ 5-7 điều ước quốc tế về hải quan với các nước đối tác, đặc biệt là các nước đối tác lớn, có tầm quan trọng chiến lược.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Thể chế

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về hải quan hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, hội nhập quốc tế, trọng tâm là xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ để: Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan; xây dựng mô hình hải quan thông minh, biên giới thông minh, hải quan xanh; áp dụng đồng bộ phương pháp quản lý theo chuỗi, theo định danh; áp dụng cơ chế quản lý hải quan phù hợp với từng đối tượng quản lý, khuyến khích người khai hải quan tuân thủ pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế, tổ chức trong nước trong hoạt động kiểm soát hải quan; ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về hải quan; kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu; triển khai nhiệm vụ cơ quan hải quan là đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu.

- Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng tiếp tục đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan, các chế độ quản lý hải quan theo chuẩn mực của Hải quan thế giới, tạo nền tảng để tái thiết kế các quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh.

- Cải cách thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, triển khai thành công Đề án kiểm tra kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hướng tới triển khai mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu.

4.2. Nghiệp vụ hải quan

4.2.1. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

- Áp dụng phương pháp quản lý theo chuỗi: Triển khai mô hình quản lý chuỗi cung ứng tích hợp theo hướng dẫn tại khung an ninh và tạo thuận lợi thương mại (SAFE) của Tổ chức hải quan thế giới; Quản lý theo chuỗi giá trị đáp ứng yêu cầu quản lý toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo hàng hóa sử dụng đúng mục đích đã kê khai với cơ quan hải quan.

- Nghiên cứu, từng bước triển khai thực hiện bảo hiểm bảo lãnh thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

- Tái thiết kế hệ thống quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan làm cơ sở để xây dựng mô hình hải quan thông minh với mức độ số hóa và tự động hóa cao đáp ứng yêu cầu: Thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số (phi giấy tờ), mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện; quản lý tự động các hoạt động nghiệp vụ hải quan trên môi trường số trong toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hải quan cả trước, trong, sau thông quan, đảm bảo quản lý xuyên suốt từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

- Triển khai mô hình quản lý biên giới thông minh đảm bảo cơ quan hải quan có thể giám sát, kiểm soát hàng hóa từ đầu vào các nguồn nguyên liệu đến khi đưa vào sản xuất, chế biến, vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu.

- Triển khai hải quan xanh, khuyến khích và thúc đẩy hoạt động thương mại hướng tới phát triển bền vững theo mô hình nền kinh tế tuần hoàn thông qua việc triển khai hiệu quả các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường và động vật hoang dã mà Việt Nam đã ký kết, có những biện pháp khuyến khích doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện các giải pháp theo mô hình nền kinh tế tuần hoàn. Giám sát và kiểm soát hiệu quả sự di chuyển hàng hóa xuyên biên giới, kịp thời ngăn chặn các vi phạm ảnh hưởng tới sức khỏe con người, ảnh hưởng tới môi trường, hệ sinh thái bảo vệ động vật hoang dã.

- Triển khai Đề án kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó, cơ quan hải quan là đầu mối trong kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu, hướng tới triển khai mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối duy nhất thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa

xuất nhập khẩu , ...), nâng cao nguồn lực (gồm trang thiết bị, máy móc và nhân lực) cho cơ quan hải quan, trong trường hợp cần thiết thì chuyển giao nguồn lực từ các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để đảm bảo thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực vẫn giữ vai trò là cơ quan quản lý nhà nước, xây dựng và quy định về chính sách quản lý; cơ quan hải quan thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành theo quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng, triển khai mô hình thông quan tập trung thông qua việc hình thành các địa điểm kiểm tra hồ sơ hải quan tập trung tại các Hải quan Vùng. Xây dựng, triển khai mô hình địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại trong công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

4.2.2. Quản lý thuế

- Áp dụng thống nhất chính sách thuế, chú trọng việc áp dụng chính sách quản lý thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu thống nhất với hàng hóa tại khâu nội địa thông qua việc cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các sắc thuế để áp dụng thống nhất chính sách thuế và thủ tục quản lý thuế; tái thiết kế quy trình thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản hóa, đồng bộ với quy trình thủ tục hải quan làm cơ sở để điện tử hóa các quy trình quản lý thuế từ khâu thu thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh với mức độ tự động hóa cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động quản lý thuế trong mô hình hải quan thông minh với mức độ tự động hóa và số hóa cao, đáp ứng yêu cầu: Thu thập, phân tích, đánh giá, xây dựng, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu tập trung thống nhất về mã số hàng hóa, thuế suất, trị giá hải quan, quản lý nợ thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; Tự động quản lý nghĩa vụ thuế, tài chính trong quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; Tự động hóa việc áp dụng chính sách miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, thu thuế và không thu thuế đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật; Quản lý thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo dựa trên cơ sở dữ liệu lớn, phục vụ cho công tác thống kê và công tác chỉ đạo điều hành thống nhất; Cải cách trong xây dựng biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo hướng ban hành biểu thuế dưới dạng điện tử hóa, số hóa đảm bảo minh bạch.

4.2.3. Kiểm tra sau thông quan

- Xây dựng mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan tập trung ở cấp Tổng cục; Áp dụng sâu rộng phương pháp kiểm toán sau thông quan; từng bước áp dụng nghiệp vụ điều tra vào công tác kiểm tra sau thông quan.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm tra sau thông quan theo hướng tự động xác định đối tượng cần kiểm tra sau thông quan trên cơ sở áp dụng mô hình tự động phân tích, đánh giá rủi ro, phân tích số liệu thống kê, các bài toán nghiệp vụ, các dấu hiệu khác thường trên hệ thống công nghệ thông tin của mô hình hải quan thông minh.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về doanh nghiệp ưu tiên trên cơ sở khuyến nghị của Tổ chức hải quan thế giới về: Các điều kiện áp dụng; các chế độ được ưu tiên; quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan hải quan và doanh nghiệp; công tác quản lý Hải quan đối với các doanh nghiệp ưu tiên; Xây dựng và thúc đẩy triển khai các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên giữa Hải quan Việt Nam và Hải quan các nước đối tác quan trọng trên thế giới.

4.2.4. Kiểm soát hải quan

- Sử dụng các công cụ, trang thiết bị hiện đại, khai thác dữ liệu kết nối toàn cầu, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, trong nước trong thực hiện công tác kiểm soát hải quan.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động kiểm soát hải quan đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình hải quan thông minh với mức độ số hóa và tự động hóa cao: Tự động thu thập, tiếp nhận, phân tích thông tin về các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người và phương tiện thông qua thông tin tình báo, hợp tác quốc tế để lập các hồ sơ xác định trọng điểm các lô hàng có mức độ rủi ro cao theo các tiêu chí kiểm soát; Tự động phân tích, cảnh báo những giao dịch bất thường trong hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; Tự động cảnh báo đến các địa chỉ cụ thể về lô hàng tình nghi và chỉ dẫn chi tiết biện pháp kiểm soát hải quan; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đo lường tuân thủ để thiết lập và triển khai các phương án kiểm soát linh hoạt hiệu quả.

- Triển khai hiệu quả kiểm soát biên giới hướng tới mô hình quản lý biên giới thông minh và triển khai hải quan xanh theo khuyến nghị của WCO, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, ma túy, chất nổ, vũ khí, chất thải, sản phẩm và mẫu vật động vật hoang dã qua biên giới.

- Bổ sung cơ sở pháp lý và triển khai kết nối với các cơ quan quản lý nhà nước trao đổi thông tin liên quan đến tổ chức, hoạt động của cá nhân, doanh

nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa,.. để làm cơ sở phân tích, đánh giá, theo dõi, giám sát, tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm soát hải quan.

- Tăng cường kiểm soát hải quan theo phương thức hiện đại, phù hợp với cam kết quốc tế nhằm đồng thời đạt được các mục tiêu về tạo thuận lợi thương mại và đảm bảo an ninh, toàn kinh tế quốc gia.

4.2.5. Quản lý rủi ro

- Triển khai toàn diện việc áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan; Ứng dụng khoa học, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan: ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhận tạo hỗ trợ phân tích, đánh giá, cảnh báo rủi ro, xác định đối tượng trọng điểm để áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát phù hợp, hiệu quả ở ba khâu trước, trong và sau thông quan; ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro; ứng dụng công nghệ internet vạn vật (IoT) để tích hợp, kết nối trao đổi dữ liệu giữa các trang thiết bị kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan với hệ thống thông quan, giữa cơ quan hải quan với các cơ quan quản lý, giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp để phân tích, đánh giá rủi ro; thiết lập các mô hình giả lập để dự báo rủi ro trước, trong và sau thông quan; áp dụng các thuật toán, các phương pháp thống kê, so sánh... để phát hiện các giao dịch đột biến; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, đánh giá tình hình vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân; cảnh báo các xu hướng vi phạm mới hỗ trợ cho công tác thu thập thông tin, điều tra và kịp thời phát hiện các vụ việc vi phạm.

- Trao đổi thông tin với hải quan các nước và tổ chức quốc tế đồng thời thực hiện tự động phân tích xác định các lô hàng trọng điểm, ngăn chặn có hiệu quả từ xa các rủi ro về hàng hóa ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường và trật tự an toàn xã hội.

- Mở rộng đối tượng đánh giá tuân thủ là người khai hải quan, triển khai chương trình khuyến khích người khai hải quan tự nguyện tuân thủ pháp luật.

4.3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

4.3.1. Tổ chức bộ máy

- Xây dựng tổ chức bộ máy Hải quan 03 cấp (cấp Tổng cục, cấp Vùng và cấp Chi cục) theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý theo mô hình nghiệp vụ hải quan tập trung, thông minh.

- Tổ chức hoạt động của bộ máy theo hướng mỗi Hải quan Vùng chỉ có một địa điểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan; việc kiểm tra thực tế, giám sát hàng hóa, theo dõi quản lý hoạt động gia công, sản xuất của doanh nghiệp do Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan quản lý địa bàn nơi doanh nghiệp có cơ sở sản xuất thực hiện.

- Hình thành các trung tâm chuyên sâu về phân tích, xác định trọng điểm theo từng loại hình cửa khẩu (đường bộ, đường biển, đường hàng không, đường sông, đường sắt); trung tâm phân loại hàng hóa; trung tâm quản lý giá, xuất xứ hàng hóa; trung tâm kiểm tra hồ sơ hải quan.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác kiểm định hải quan để triển khai mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

4.3.2. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng, phát triển đội ngũ công chức hải quan các cấp có trình độ chuyên môn sâu, hoạt động liên chính, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị hiện đại, đủ về số lượng, cơ cấu phù hợp, được tổ chức, quản lý khoa học, gắn với nhu cầu thực tiễn của vị trí việc làm với năng lực của từng cá nhân, đáp ứng mô hình quản lý hải quan hiện đại. Đội ngũ công chức cấp Chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín, tinh nhuệ, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia nghiệp vụ 2 cấp Tổng cục và Hải quan Vùng có ngoại ngữ thành thạo, nghiệp vụ tinh thông, có năng lực chủ trì, điều hành các hội nghị quốc tế.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng nguồn nhân lực công khai, minh bạch với chế độ đãi ngộ hợp lý đảm bảo thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Hải quan.

- Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên vị trí việc làm, các chính sách phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan tập trung, thông minh.

- Xây dựng hệ thống quản lý nguồn nhân lực điện tử đảm bảo yêu cầu tự động hóa tối đa các thủ tục quản lý nguồn nhân lực.

- Xây dựng cơ sở đào tạo chính quy hiện đại có cơ sở vật chất, phương pháp quản lý đào tạo đạt chuẩn của cơ sở đào tạo cấp khu vực và đội ngũ giảng viên được đào tạo đạt chuẩn trong nước và WCO, có thể tham gia giảng dạy quốc tế.

- Nghiên cứu áp dụng các phương pháp đào tạo hiện đại, công nghệ tiên tiến trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Hải quan nhằm nâng cao năng lực đào tạo, đảm bảo đào tạo bồi dưỡng được thực hiện mọi lúc, mọi nơi.

- Triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trong ngành gắn với vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu của mô hình hải quan thông minh đặc biệt là yêu cầu chuyên sâu đối với một số loại hình nghiệp vụ; gắn công tác đào tạo, đánh giá năng lực với việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức.

- Xây dựng mô hình luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng giữa các cấp tổ chức, giữa các bộ phận trong cùng một đơn vị, trong từng lĩnh vực nghiệp vụ, giữa các lĩnh vực nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực giải quyết công việc, kinh nghiệm thực tiễn cho công chức, viên chức chuyên môn nghiệp vụ, công chức, viên chức lãnh đạo và trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo.

- Tăng cường liên chính hải quan.

4.4. Ứng dụng công nghệ thông tin

4.4.1 Hệ thống công nghệ thông tin hải quan: Xây dựng Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hải quan thông minh trên nền tảng số, cơ sở dữ liệu tập trung cấp Tổng cục, đáp ứng các yêu cầu:

a. Hệ thống công nghệ thông tin hải quan gồm các thành tố:

a.1. Hệ thống công nghệ thông tin nghiệp vụ hải quan hiện đại, thông minh, đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan đặt ra tại Chiến lược.

a.2. Hệ thống dịch vụ công điện tử, hướng tới dịch vụ công số thông minh, mức độ tự động hóa cao:

- Tiếp nhận, trao đổi thông tin, tra cứu và theo dõi quá trình giải quyết thủ tục hành chính, trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục.

- Tiếp nhận, trao đổi các thông tin liên quan đến quá trình thực hiện thủ tục hải quan, quản lý nhà nước về hải quan với ngân hàng, các bộ ngành, cơ quan liên quan, các tổ chức, cá nhân trong nước, quốc tế.

- Trao đổi dữ liệu với hệ thống quản lý hải quan phục vụ quản lý, thông quan hàng hóa, phương tiện, ra quyết định về kết quả thực hiện thủ tục hành chính.

a.3. Hệ thống quản lý nội bộ ngành Hải quan hiện đại, tự động hóa các hoạt động quản lý nội ngành, đồng bộ với việc triển khai mô hình hải quan thông minh. Hệ thống hỗ trợ công tác chỉ đạo, quản lý điều hành, thực thi các thủ tục hành chính nội bộ (quản lý nguồn nhân lực, quản lý kết quả công việc, quản lý tài chính, tài sản điện tử...) theo phương thức quản lý văn phòng điện tử.

b. Yêu cầu về công nghệ và kỹ thuật của hệ thống:

- Ứng dụng mạnh mẽ thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Kết nối Internet vạn vật (IoT), Chuỗi khối (Blockchain), Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Bigdata), Phân tích thông minh (BI), Điện toán đám mây (Cloud), Di động (Mobility)).

- Phát triển dữ liệu số Hải quan tạo nền tảng cho triển khai Hải quan số, Hải quan thông minh bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước trong hệ thống Chính trị của Việt Nam, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển hệ sinh thái số và Hải quan số.

- Có mức độ tích hợp cao, có hệ thống dự phòng sẵn sàng cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin, dễ dàng nâng cấp, sửa đổi, bổ sung, mở rộng khi có yêu cầu quản lý mới, đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của cơ quan hải quan; hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ các cấp.

4.4.2 Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng xử lý tập trung, đáp ứng yêu cầu triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý tập trung thủ tục hành chính của các Bộ, ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan hải quan với các Bộ, ngành và các bên có liên quan tham gia chuỗi dây chuyền cung ứng thương mại và cung cấp nền tảng cung cấp dịch vụ trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp (B2B) trong dây chuyền cung ứng thương mại quốc tế và các dịch vụ khác như thanh toán, nộp lệ phí,... Nâng cấp Hệ thống một cửa quốc gia và ASEAN đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi thông tin với Hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới theo quy định tại các Hiệp định thương mại tự do và các Hiệp định mà Việt Nam ký kết theo đúng lộ trình, bao gồm: Liên minh kinh tế Á - Âu, Hàn Quốc, NewZealand,...

4.5. Hiện đại hóa cơ sở vật chất

- Hiện đại hóa máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; kết nối hệ thống công nghệ thông tin với việc sử dụng các trang thiết bị, máy móc hiện đại, ứng dụng công nghệ trực tuyến, giảm thiểu sự can thiệp của công chức trong các khâu kiểm tra, giám sát như:

+ Sử dụng camera giám sát, seal định vị điện tử, thiết bị định vị vệ tinh, thiết bị bay không người lái, barie điện tử để giám sát hàng hóa ra, vào, lưu giữ, cũng như trong quá trình vận chuyển hoặc khi vận chuyển qua khu vực giám sát.

+ Thực hiện việc giám sát tự động hàng hóa tại các khu vực cửa khẩu đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; các khu vực kho, bãi, địa điểm lưu giữ, tập kết hàng hóa do Tổng cục Hải quan thành lập.

+ Tối ưu hóa việc sử dụng các trang thiết bị, máy móc hỗ trợ kiểm tra, xác định thực tế hàng hóa; Kết nối dữ liệu phân tích thông tin về hàng hóa, hình ảnh soi chiếu (máy soi, cân điện tử, thiết bị kiểm tra cầm tay) với hệ thống để hỗ trợ xác định hàng hóa, mã số HS,... phục vụ thông quan hàng hóa.

+ Sử dụng camera di động, máy tính bảng để theo dõi quá trình kiểm tra thực tế hàng hóa, cập nhật kết quả kiểm tra ngay tại hiện trường, thông quan nhanh hàng hóa; chụp hình ảnh hàng hóa để lưu hồ sơ hải quan,..

- Tiếp tục đầu tư, trang bị cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng việc triển khai áp dụng quản lý hải quan trên nền tảng ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đầu tư hiện đại hóa hệ thống trụ sở làm việc của các đơn vị Hải quan; trang bị đầy đủ các thiết bị thiết yếu và hiện đại phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan và các hoạt động liên quan; gắn việc trang bị hiện đại hóa trụ sở, máy móc hiện đại với mô hình Hải quan thông minh, mô hình thông quan tập trung.

4.6. Hợp tác, hội nhập quốc tế về Hải quan

- Nâng cao hiệu quả tham gia, tăng cường đóng góp trong các cơ chế hợp tác và hội nhập hải quan tại các khuôn khổ ASEAN, WTO, APEC, ASEM, WCO, GMS... thông qua việc chủ động, tích cực nghiên cứu, khởi xướng và tham gia điều chỉnh và xây dựng các quy tắc và luật lệ tại các tổ chức và diễn đàn này trên cơ sở các định hướng chung về hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn này.

- Thúc đẩy, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các nước đối tác, chú trọng các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các nước bạn bè truyền

thống thông qua việc đàm phán, xây dựng các khuôn khổ pháp lý chính thức cho các hoạt động hợp tác song phương với hải quan với các nước. Triển khai nghiêm túc các hiệp định, thỏa thuận, chương trình hợp tác với các nước đã thiết lập hành lang pháp lý như Nga, Mỹ, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Lào, Campuchia..., từng bước mở rộng hoạt động hợp tác với các nước tại các khu vực có tiềm năng phát triển trên cơ sở nghiên cứu có chọn lọc, đảm bảo việc hợp tác đi vào chiều sâu và mang lại lợi ích thực chất cho mục tiêu quản lý hải quan của Việt Nam.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà Việt Nam tham gia, đẩy mạnh quá trình nội luật hóa các cam kết đồng bộ với hệ thống pháp luật trong nước, trong đó chú trọng đến các cam kết trong khuôn khổ ASEAN, WTO và các hiệp định thương mại tự do (FTA), các hiệp định đối tác, hợp tác kinh tế mà Việt Nam đã ký kết, đảm bảo tuân thủ lộ trình thực hiện, đáp ứng đầy đủ nội dung và mức độ đã cam kết.

- Tranh thủ sự hợp tác, khai thác các nguồn hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác, tiếp thu kiến thức và kinh nghiệm quản lý hải quan tiên tiến để đóng góp cho tiến trình cải cách, hiện đại hóa các quy trình, thủ tục hải quan nhằm tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp và công tác thực thi pháp luật hải quan, đồng thời phát triển nguồn nhân lực của Hải quan Việt Nam đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiệu lực hiệu quả.

4.7. Hợp tác giữa cơ quan hải quan với các bên liên quan

a. Hợp tác với các cơ quan quản lý nhà nước

Đẩy mạnh quan hệ hợp tác, phối hợp đi vào chiều sâu giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan Chính phủ, chính quyền địa phương, các tổ chức, trong thực hiện quản lý Nhà nước về hải quan đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

b. Phát triển quan hệ đối tác Hải quan – Doanh nghiệp

- Xây dựng quan hệ đối tác giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp tin cậy để hình thành chuỗi cung ứng tin cậy trên cơ sở nghiên cứu, xây dựng và triển khai chương trình đối tác tin cậy với sự tham gia của các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu và các đối tác thương mại của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng;

- Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp tham gia phản biện hoàn thiện chính sách pháp luật hải quan; tham gia giám sát thực thi pháp luật hải quan; hợp tác nâng cao năng lực thực thi pháp luật của hải quan và doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực hải quan.

c. Phát triển đại lý Hải quan

Tiếp tục xây dựng và phát triển đại lý Hải quan chuyên nghiệp, đồng bộ; đủ khả năng để cung cấp dịch vụ thông quan tư nhân (Xử lý bước đầu hồ sơ thông quan đảm bảo chuẩn mực, dịch vụ quản lý hồ sơ XNK hàng hóa của doanh nghiệp, đại diện làm việc với Hải quan) hiện đại, toàn diện và đa dạng hơn bao gồm cả việc xử lý tranh chấp và tham vấn; hướng tới thực hiện áp dụng công nhận cơ chế ưu tiên cho đại lý làm thủ tục hải quan. Từng bước thực hiện tự động hóa quản lý hoạt động khai hải quan của các đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên được cấp thẻ thông qua việc kiểm soát việc làm thủ tục hải quan.

4.8. Các nội dung khác

a. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ công chức trong ngành Hải quan, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp về chính sách pháp luật, các quy trình thủ tục hải quan; tranh thủ sự phối hợp, đồng tình ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong thực thi pháp luật hải quan. Đến năm 2025, sử dụng công, trang thông tin điện tử và mạng xã hội để thực hiện tuyên truyền, phổ biến cung cấp thông tin, tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp về công tác quản lý hải quan.

b. Thực hiện hiệu quả cơ chế quản lý tài chính về đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động được phân bổ ổn định theo tỷ lệ (%) trên dự toán thu ngân sách hàng năm Nhà nước giao cho ngành Hải quan theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu, thực hiện xã hội hóa hoặc phát triển các hình thức liên kết đầu tư hoặc thuê mua theo hình thức công - tư đối với một số loại thiết bị chuyên dụng, một số dịch vụ công hoặc những hệ thống kỹ thuật, công nghệ đòi hỏi mức đầu tư lớn trong bối cảnh nguồn lực tài chính hạn chế. Huy động tổng hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động cải cách, phát triển, hiện đại hóa hải quan từ các nguồn: Ngân sách, tài trợ từ nước ngoài, đầu tư của khu vực tư nhân.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện Chiến lược

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện chiến lược này; phê duyệt và chỉ đạo kế hoạch thực hiện các nội dung chiến lược theo từng giai đoạn;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, Ngành liên quan nghiên cứu xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành;

c) Hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung có liên quan đến chiến lược;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương liên quan kiểm tra việc thực hiện chiến lược; giữa kỳ chiến lược tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện chiến lược;

e) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung chiến lược trong trường hợp cần thiết.

f) Đảm bảo kinh phí để thực hiện Chiến lược.

2. Các Bộ quản lý, kiểm tra chuyên ngành phối hợp với Bộ Tài chính triển khai thực hiện các nội dung có liên quan.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện chiến lược.

4. Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, thực hiện quy hoạch xây dựng, phát triển giao thông, các cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, cửa khẩu đường bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính và địa phương liên quan thống nhất việc quy hoạch, bố trí các cơ sở Hải quan để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho thực hiện Chiến lược này.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm chỉ đạo, tham gia thực hiện các nội dung có liên quan của Chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Quốc hội;

- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).